

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2019

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Trần Hà Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Đội 2, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1980; địa chỉ: Đội 2, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Người làm chứng: Ông Hoàng Thế C; địa chỉ: Đội 2, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã A, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng

nhận kết hôn năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, lối sống không hợp, anh L không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh L.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Đức Kh, sinh ngày 21/01/2002 và Hoàng Thị Anh Th, sinh ngày 24/11/2005. Khi ly hôn, chị xin nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hoàng Văn L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không trực tiếp trình bày quan điểm và không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

Người làm chứng ông Hoàng Văn C trình bày: Ông là bố đẻ của anh Hoàng Văn L. Theo ôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th, anh L và việc vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 là đúng sự thật. Ông đã chuyển và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án về việc ly hôn, nuôi con giữa chị Th và anh L cho anh L biết, anh L đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, nhưng do hiện tại anh đang ở xa, công việc rất bận rộn nên không thể sắp xếp về Tòa án để làm việc được.

Kết quả xác minh tại xã A thấy: Các đương sự, người làm chứng trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Hoàng Văn L; giao cháu Hoàng Đức Kh, sinh ngày 21/01/2002 và Hoàng Thị Anh Th, sinh ngày 24/11/2005 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Th có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên có căn cứ và đủ điều kiện xét xử vắng mặt cả hai đương sự như quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Hoàng Văn L kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị Th và anh L không có hạnh phúc do tính cách không hợp, hai bên không có giải pháp hòa giải đoàn tụ và đã sống ly thân trong một khoảng thời gian dài. Chị Th xin ly hôn, anh L nhất trí nhưng không tới Tòa án tham gia hòa giải. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Th đối với anh Hoàng Văn L, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Đức Kh, sinh ngày 21/01/2002 và Hoàng Thị Anh Th, sinh ngày 24/11/2005. Căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện nuôi con của các đương sự, ý kiến của con chung trên 7 tuổi; đủ cơ sở giao cả hai con chung cho chị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Th là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Hoàng Văn L.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao cho chị Phạm Thị Th trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là: Hoàng Đức Kh, sinh ngày 21/01/2002 và Hoàng Thị Anh Th, sinh ngày 24/11/2005;

Ghi nhận việc chị Phạm Thị Th không yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con chung;

Anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000100 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; chị Phạm Thị Th đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên